



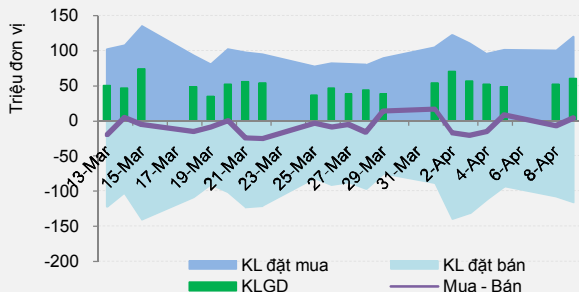
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 9/4/2013

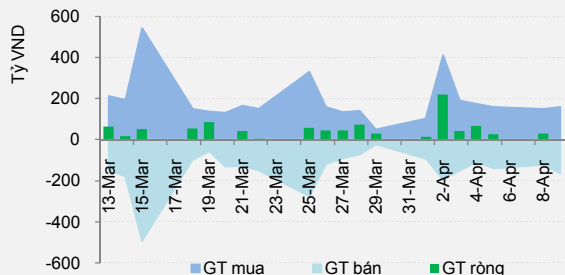
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	510.5	61.4
% Thay đổi	↑ 0.8%	↑ 0.0%
KLGD (CP)	60,756,650	35,705,936
GTGD (tỷ đồng)	1,103.52	293.52
Tổng cung (CP)	115,387,460	82,783,000
Tổng cầu (CP)	119,662,440	69,775,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,690,720	353,960
KL mua (CP)	5,612,500	425,050
GTmua (tỷ đồng)	159.96	12.23
GT bán (tỷ đồng)	160.27	6.26
GT ròng (tỷ đồng)	(0.31)	5.97

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.65%	7.7	1.6	5.1%
Công nghiệp	↑ 0.13%	17.1	1.0	17.2%
Dầu khí	↑ 0.24%	6.1	1.0	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.83%	8.4	1.4	3.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.10%	7.7	2.5	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.55%	13.7	5.6	15.2%
Ngân hàng	↓ -0.67%	5.7	1.5	7.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.12%	8.1	2.1	12.3%
Tài chính	↓ -0.80%	25.2	2.6	26.7%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 3.73%	10.4	3.5	10.6%
VN - Index	↑ 0.76%	14.2	3.2	79.3%
HNX - Index	↑ 0.02%	14.4	1.4	20.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,139,050	1.9%	1,043,800	1.7%
GTGD (triệu VND)	15,044	1.4%	22,775	2.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự 498-500. Tuy nhiên với động lực tăng điểm bắt nguồn từ một nhóm nhỏ những cổ phiếu có vốn hóa lớn thì chỉ số VN-Index đã chững lại và đã có hai phiên điều chỉnh. Với phiên tăng điểm ngày hôm nay thì chỉ số VN-Index đã tăng phiên thứ ba liên tiếp từ mức hỗ trợ 498-500. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm qua cũng như cổ phiếu dẫn dắt SSI tăng điểm tích cực thì khả năng chỉ số VN-Index kiểm định thành công mức 498-500 điểm tăng lên đáng kể. Nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm có thể lựa chọn cổ phiếu giải ngân một phần để nâng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm qua. Với phiên tăng điểm nhẹ này thì chỉ số HNX-Index vẫn đang ở dưới mức kháng cự mạnh 62.5. Với diễn biến tích cực của cổ phiếu SHB chúng tôi kỳ vọng tác động từ sự tích cực của SHB sẽ giúp cho chỉ số HNX-Index có thể break qua mức kháng cự này. Nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm có thể lựa chọn cổ phiếu giải ngân một phần để nâng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 510.49 điểm, tăng 3.63 điểm tương ứng với mức 0.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 58.15 triệu đơn vị, tăng 18.55% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.367 điểm, tăng 0.01 điểm tương ứng với mức 0.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 32.22 triệu đơn vị, giảm 35.35% so với phiên trước.

- Theo số liệu thống kê từ 10 chi nhánh NHNN địa phương, Hà Nội, TP.HCM và Đà Nẵng có tỷ trọng nợ xấu đứng đầu (theo thứ tự là 6.29%, 5.98% và 3.52%). Xét chi tiết dòng tín dụng phân theo ngành nghề, lượng vốn vay tập trung nhiều tại lĩnh vực BĐS là nguyên nhân chính khiến tỷ lệ nợ xấu của 3 thành phố lớn ở mức cao. Thị trường BĐS trầm lắng kéo dài sẽ tạo sức ép không nhỏ đến khoản nợ của các Ngân hàng, khi tỷ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính của các dự án BĐS không nhỏ. Tỷ lệ vốn vay/vốn chủ của doanh nghiệp BĐS hiện là 1.49x, cao hơn nhiều mức 0.84x của thị trường chung.

- NHNN đấu thầu thành công 25,600 lượng vàng, với giá trúng thầu từ 43.3-43.35 triệu đồng/lượng. Mức giá này thấp hơn từ 50,000-80,000 đồng/lượng so với giá bán công ty SJC niêm yết. Giá vàng trong nước hiện dao động hẹp theo chiều hướng giảm, khi lượng cung NHNN cung ứng khá lớn, với mức giá giảm nhẹ. Hiện chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới là khoảng 3.5 triệu đồng/lượng, so với mức trên 4 triệu đồng thời điểm đầu tháng 4. NHNN cho biết đã đập 10 tấn vàng để bán ra thị trường. Trong 4 phiên đấu thầu gần đây, NHNN đã bán ra 79,000 lượng, tương đương khoảng 3 tấn vàng. NHNN sẽ tổ chức hai phiên đấu thầu tiếp theo trong tuần này. Phiên đấu thầu gần nhất là ngày 10/4, với 40,000 lượng vàng miếng được chào bán.

- Bộ Tài chính mới hoàn thiện dự thảo Nghị định về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo định hướng ưu đãi hơn đối với doanh nghiệp. Dự thảo bổ sung doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn mua thức ăn chăn nuôi thủy sản phục vụ xuất khẩu được vay vốn ưu đãi. Dự thảo cũng bổ sung quy định về gia hạn nợ, cụ thể 1/ gia hạn thời gian cho vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước thêm 3 năm, từ 12 năm lên tối đa 15 năm đối dự án kết cấu hạ tầng kinh tế có quy mô lớn, thuộc lĩnh vực sản xuất điện, cung cấp nước sạch, xi măng, thép, môi trường; 2/ gia hạn thời gian vay vốn tối đa từ 12 tháng lên 36 tháng cho các nhóm hàng xuất khẩu rau quả, thủy sản, áp dụng cho doanh nghiệp bị lỗ trong năm 2011 và năm 2012, không cần đối được nguồn vốn để trả nợ đúng hạn.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Sideway	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 510.49 điểm, tăng 3.63 điểm tương ứng với mức 0.76% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự 498-500. Tuy nhiên với động lực tăng điểm bắt nguồn từ một nhóm nhỏ những cổ phiếu có vốn hóa lớn thì chỉ số VN-Index đã chững lại và đã có hai phiên điều chỉnh. Với phiên tăng điểm ngày hôm nay thì chỉ số VN-Index đã tăng phiên thứ ba liên tiếp từ mức hỗ trợ 498-500. Khối lượng giao dịch tăng so với phiên hôm qua cũng như cổ phiếu dẫn dắt SSI tăng điểm tích cực thì khả năng chỉ số VN-Index kiểm định thành công mức 498-500 điểm tăng lên đáng kể. Nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm có thể lựa chọn cổ phiếu giải ngân một phần để nâng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 61.367 điểm, tăng 0.01 điểm tương ứng với mức 0.02% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh và sau đó tiếp tục có phiên giảm điểm rất mạnh với khối lượng đột biến.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm qua trendline.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm nhẹ với khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm qua. Với phiên tăng điểm nhẹ này thì chỉ số HNX-Index vẫn đang ở dưới mức kháng cự mạnh 62.5. Với diễn biến tích cực của cổ phiếu SHB chúng tôi kỳ vọng tác động từ sự tích cực của SHB sẽ giúp cho chỉ số HNX-Index có thể break qua mức kháng cự này. Nhà đầu tư chấp nhận mạo hiểm có thể lựa chọn cổ phiếu giải ngân một phần để nâng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.


MÃ CỔ PHIẾU: SII
MUA

- Xu hướng trung hạn và ngắn hạn của SII đang đều là tăng giá
- RSI điều chỉnh về khu vực base sau đó tăng điểm trở lại
- Chỉ báo xu hướng MA vẫn đang hướng lên vững chắc.
- SII tăng điểm break khu vực 15,000 với khối lượng giao dịch lớn

Khuyến nghị: Mua SII trong ngắn hạn (Một tháng)

Mức giá mua: 15,200

Mức giá chốt lãi: 17,000-18,000

Mức giá cắt lỗ: 14,500

Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Khuyến nghị đang mở

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
SII	09/04/2013		Mua	15.2	18	14.5	15.4	1.32

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tăng nhẹ trên hai sàn với diễn biến thanh khoản tăng tại sàn HOSE, giảm tại sàn HNX. Dòng tiền tham gia thị trường có sự cải thiện khá, khi nhóm cổ phiếu chứng khoán trong quá khứ vẫn có tính dẫn dắt thị trường. Lực cầu tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có khả năng chia cổ tức/thường, phát hành thêm cổ phiếu, và nhóm cổ phiếu CTCK, kỳ vọng KQKD Q1.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu CTCK có lợi nhuận năm 2012 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	73,389	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.04	7,999	1.32	6.07	6.03%
VIC	1,847	124.93%	134,190	2,041	15,071	3.44%	18.42%	31.36	3,974	0.47	4.25	-2.99%
PVI	389	11.80%	12,176	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.82	3,323	0.45	0.62	-7.74%
BVH	1,431	19.17%	512,630	1,981	17,802	3.00%	11.34%	27.51	3,184	1.72	3.06	-5.88%
HAG	365	-68.73%	726,356	650	18,150	1.23%	3.65%	39.37	2,881	1.40	1.41	-5.48%
GMD	115	1808.36%	818,504	945	40,143	1.52%	2.40%	39.80	2,471	1.08	0.94	32.04%
HPG	1,031	-16.63%	787,303	2,385	19,294	5%	13%	11.99	2,207	1.40	1.48	8.75%
KDC	357	30.45%	53,254	2,243	25,076	6.24%	9.02%	21.62	2,190	0.31	1.93	6.94%
PVD	1,448	35.66%	302,461	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.35	1,382	1.32	1.32	-0.68%
VNM	5,819	37.97%	262,366	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.48	1,277	1.04	6.94	20.19%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	2,018	2.26%	73,389	2,156	20,265	3.60%	8.74%	57.04	5,967	1.32	6.07	6.03%
VNM	5,819	37.97%	262,366	6,981	18,578	32.99%	41.61%	18.48	5,199	1.04	6.94	20.19%
GAS	10,102	70.84%	597,625	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.92	5,072	1.27	3.94	16.38%
FPT	1,985	18.04%	160,656	5,670	22,574	10.57%	26.32%	7.21	3,181	0.94	1.81	0.51%
PVD	1,448	35.66%	302,461	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.35	2,043	1.32	1.32	-0.68%
DPM	3,068	-1.17%	513,292	7,985	23,579	30.36%	35.11%	5.79	1,975	1.24	1.96	1.32%
BVH	1,431	19%	512,630	1,981	17,802	3.00%	11.34%	27.51	1,726	1.72	3.06	-5.88%
PVS	1,263	-11.02%	1,310,373	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.48	1,568	0.58	0.69	-8.33%
HAG	365	-68.73%	726,356	650	18,150	1.23%	3.65%	39.37	1,497	1.40	1.41	-5.48%
HPG	1,031	-16.63%	787,303	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.99	1,393	1.40	1.48	8.75%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CTCK CÓ LỢI NHUẬN NĂM 2012 CAO NHẤT

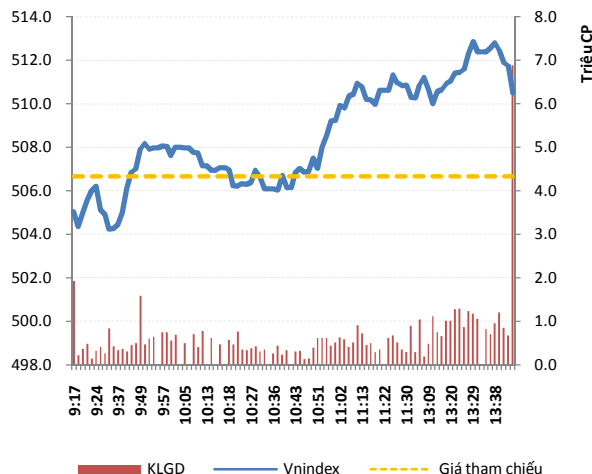
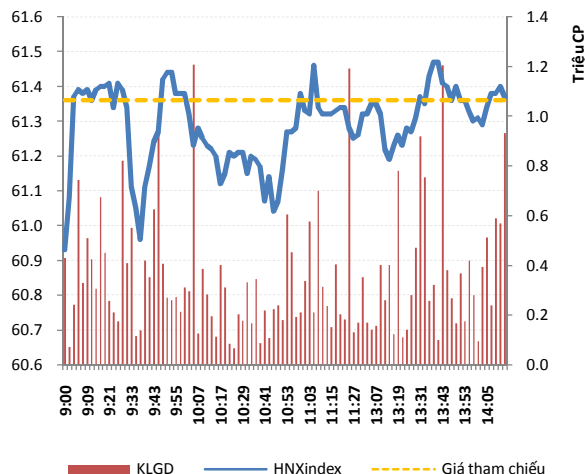
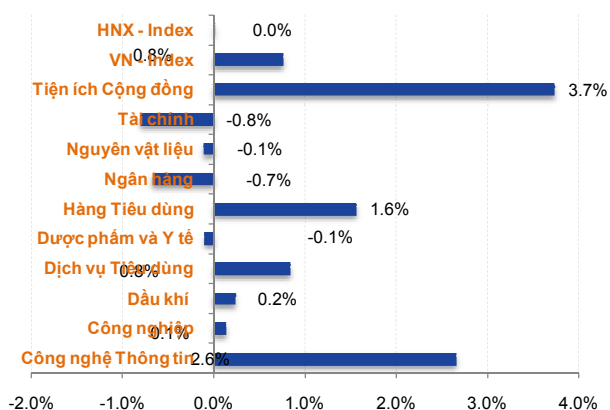
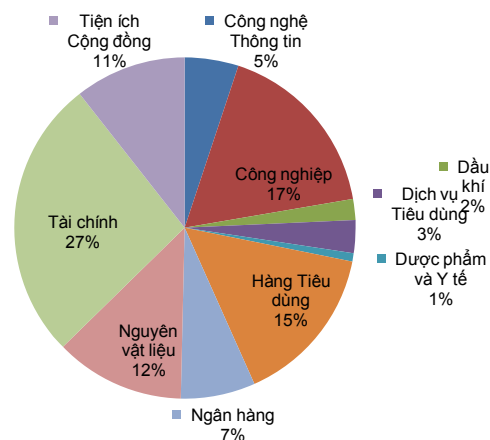
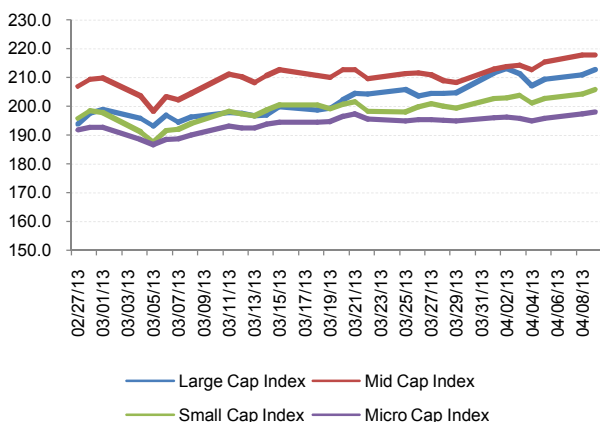
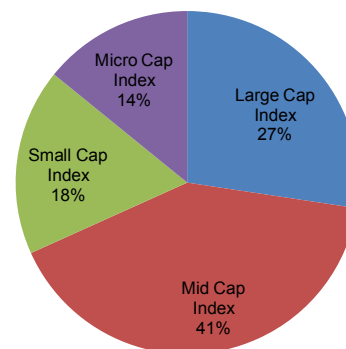
Mã CK	LN 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Hàng tồn kho
SSI	465	489.23%	1,085,721	1,329	14,723	6.41%	9.04%	14.30	1,127	1.19	1.29	0.00%
HCM	246	27.00%	227,985	2,454	21,443	8.46%	11.76%	9.45	478	1.02	1.08	0.00%
OGC	93	-45.01%	757,318	278	11,083	0.82%	2.49%	48.96	174	1.31	1.23	24943.23%
VND	79	138.74%	1,928,526	787	11,034	5.04%	7.34%	11.69	(10)	1.89	0.83	10.94%
BVS	77	177.32%	706,870	1,071	15,583	5.35%	7.11%	12.14	(235)	1.76	0.83	0.00%
CTS	73	13.66%	120,536	936	11,273	5.64%	8.25%	8.12	93	1.28	0.67	4.12%
AGR	66	-39%	56,461	311	10,667	1.09%	2.89%	17.37	74	1.13	0.51	12.17%
SHS	31	108.08%	1,831,018	308	7,741	2.31%	4.06%	23.35	(347)	2.67	0.93	10.82%
KLS	22	-88.28%	2,370,990	109	12,443	0.83%	0.86%	84.61	35	2.08	0.74	33.96%
BSI	21	110.18%	32,210	245	7,833	0.95%	3.17%	15.11	(188)	0.72	0.47	33.48%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 09/04/2013.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GAS	323,450	HAG	418,130
2	LCM	296,000	CTG	404,400
3	LCG	249,990	VSH	301,030
4	MBB	199,840	KMR	272,360
5	CSM	195,420	EIB	250,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	API	145,000	PGS	172,100
2	DXP	109,350	SHB	65,000
3	PVS	43,740	EID	30,000
4	DBC	36,300	DCS	20,000
5	TCT	12,500	VCG	15,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SAM	7.4	7.9	↑ 6.76%	4,080,240
SSI	18.5	19.0	↑ 2.70%	3,735,250
ITA	6.9	7.1	↑ 2.90%	3,627,300
PET	17.8	19.0	↑ 6.74%	1,857,240
LCG	6.1	6.5	↑ 6.56%	1,761,020

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.3	7.3	→ 0.00%	6,059,109
PVX	5.1	5.0	↓ -1.96%	4,065,593
SCR	7.7	7.9	↑ 2.60%	3,955,770
KLS	9.2	9.2	→ 0.00%	2,369,600
SHS	7.2	7.2	→ 0.00%	1,552,200

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
VSG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
HAR	31.5	33.7	2.2	↑ 6.98%
VTF	21.5	23.0	1.5	↑ 6.98%
KBC	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KBT	15.0	16.5	1.5	↑ 10.00%
HLD	23.3	25.6	2.3	↑ 9.87%
HST	6.1	6.7	0.6	↑ 9.84%
DXP	51.6	56.6	5.0	↑ 9.69%
TKC	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	0.7	0.6	-0.1	↓ -14.29%
NLG	21.6	20.1	-1.5	↓ -6.94%
TMS	22.0	20.5	-1.5	↓ -6.82%
VID	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
D2D	19.2	17.9	-1.3	↓ -6.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
CTM	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
GGG	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
SHA	7.0	6.3	-0.7	↓ -10.00%
FDT	37.8	34.1	-3.7	↓ -9.79%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SAM	4,080,240	4.6%	806	9.8	0.4
SSI	3,735,250	9.0%	1,329	14.3	1.3
ITA	3,627,300	0.6%	72	98.4	0.5
PET	1,857,240	15.3%	2,709	7.0	1.1
LCG	1,761,020	-3.2%	(648)	-	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	6,059,109	22.0%	2,761	2.6	0.7
PVX	4,065,593	-47.8%	(3,714)	-	0.7
SCR	3,955,770	4.0%	622	12.7	0.5
KLS	2,369,600	0.9%	109	84.6	0.7
SHS	1,552,200	4.1%	308	23.3	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 14.3%	-18.8%	(1,800)	(0.4)	0.1
VSG	↑ 12.5%	-1082.5%	(5,318)	(0.2)	(0.6)
HAR	↑ 7.0%	4.3%	501	67.3	3.2
VTF	↑ 7.0%	27.5%	7,403	3.1	0.8
KBC	↑ 6.9%	-10.4%	(1,503)	(5.1)	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KBT	↑ 10.0%	14.2%	1,961	8.4	1.4
HLD	↑ 9.9%	32.9%	9,780	2.6	0.8
HST	↑ 9.8%	10.4%	1,097	6.1	0.6
DXP	↑ 9.7%	38.0%	9,957	5.7	2.0
TKC	↑ 9.7%	0.8%	110	31.0	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	323,450	38.7%	5,175	10.9	3.9
LCM	296,000	23.5%	4,273	3.5	1.1
LCG	249,990	-3.2%	(648)	-	0.3
MBB	199,840	20.5%	2,427	5.5	1.1
CSM	195,420	32.0%	4,766	7.4	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
API	145,000	-37.3%	(4,505)	-	0.3
DXP	109,350	38.0%	9,957	5.7	2.0
PVS	43,740	18.4%	3,211	4.5	0.7
DBC	36,300	19.2%	4,996	4.5	0.8
TCT	12,500	35.7%	16,723	10.1	3.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	107,525	41.6%	6,981	18.5	6.9
GAS	107,068	38.7%	5,175	10.9	3.9
MSN	84,535	8.7%	2,156	57.0	6.1
VCB	72,303	12.5%	2,236	14.0	1.7
VIC	59,401	18.4%	2,041	31.4	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,003	7.5%	988	16.2	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
SHB	6,468	22.0%	2,761	2.6	0.7
PVS	6,432	18.4%	3,211	4.5	0.7
VCG	5,124	2.0%	291	39.8	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.45	0.7%	76	142.5	1.0
BVH	2.06	11.3%	1,981	27.5	3.1
ITA	1.90	0.6%	72	98.4	0.5
KBC	1.86	-10.4%	(1,503)	-	0.6
HT1	1.74	0.5%	47	109.3	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	2.70	-47.8%	(3,714)	-	0.7
VIG	2.61	-25.5%	(1,857)	-	0.4
PVV	2.50	-15.9%	(1,599)	-	0.3
ORS	2.42	0.2%	15	183.4	0.3
PFL	2.37	-4.7%	(494)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)